

BIÊN BẢN
Niêm yết công khai

Hôm nay, vào lúc 9 giờ 00 ngày 05 tháng 04 năm 2024, tại trường THCS Phú Hữu, chúng tôi gồm có:

1. Ông Nguyễn Văn Tốt Chức vụ: Hiệu trưởng
2. Bà Trần Thị Hồng Loan Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
3. Bà Nguyễn Thị Hải Lý Chức vụ: CTCĐ
4. Bà Nguyễn Thị Mai Thanh Chức vụ: TB TTND
5. Ông: Đặng Quốc Tuấn Chức vụ: Kế toán
6. Ông Bà: *Nguyễn Thị Mân* Chức vụ: Giáo viên

Đã tiến hành niêm yết công khai văn bản:

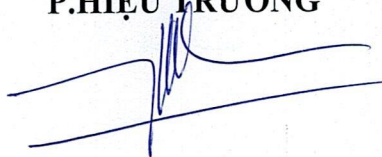
1. Thông báo công khai Thực hiện dự toán; Thu chi sự nghiệp Q1 năm 2024.
2. Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018.
3. Biểu Công khai số liệu thu chi các nguồn thu tại đơn vị.

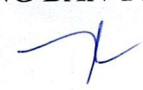
Thời gian niêm yết công khai: từ ngày 05/04/2024 đến ngày 06/05/2024

Địa điểm niêm yết công khai: Tại bảng tin tài chính nhà trường.

Niêm yết công khai hoàn thành và lập biên bản vào lúc 9 giờ 15 phút cùng ngày./.


HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Văn Tốt

P. HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hồng Loan


NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
TRƯỞNG BAN TTND

Nguyễn Thị Mai Thanh

Kế toán

Đặng Quốc Tuấn

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
CT CÔNG ĐOÀN

Nguyễn Thị Hải Lý

GIÁO VIÊN NHÀ TRƯỜNG

Nguyễn Thị Mân

Đơn vị: Trường THCS Phú Hữu
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Thủ Đức, ngày 05 tháng 04 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Phú Hữu công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I/2024 như sau:

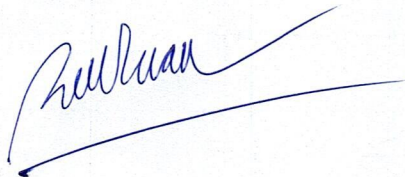
ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (quý I năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.213.255.000	292.291.610	13,21%	77,67%
1	Chi sự nghiệp	2.213.255.000	292.291.610	13,21%	77,67%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.213.255.000	292.291.610	13,21%	77,67%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11.001.812.000	1.589.848.156	14,45%	173,28%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.991.812.000	825.792.972	9,18%	97,43%
6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	2.380.491.321	445.024.306	18,69%	102,87%
6003	Lương hợp đồng theo chế độ			#DIV/0!	#DIV/0!
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo	148.000.000	14.644.188	9,89%	33,22%
6101	Phụ cấp chức vụ	25.920.000	4.470.000	17,25%	83,33%
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	506.696.930		0,00%	#DIV/0!
6107	Phụ cấp độc hại, nguy hiểm	8.640.000	894.000	10,35%	50,00%
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	594.648.000	123.597.886	20,79%	104,64%
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	2.160.000	447.000	20,69%	100,00%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (quý I năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6115	Phụ cấp TNVK; Phụ cấp thâm niên nghề	278.424.000	59.025.523	21,20%	108,98%
6201	Thưởng thường xuyên	17.820.000		0,00%	#DIV/0!
6301	Bảo hiểm xã hội	437.535.000	98.460.362	22,50%	104,93%
6302	Bảo hiểm y tế	75.006.000	16.878.919	22,50%	104,93%
6303	Kinh phí công đoàn	50.004.000	11.252.610	22,50%	104,93%
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	25.002.000	5.626.305	22,50%	104,93%
6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	535.392.017		0,00%	#DIV/0!
6449	Chi khác	3.583.132.000	900.000	0,03%	66,67%
6501	Tiền điện	65.696.931	15.319.375	23,32%	77,20%
6502	Tiền nước	68.108.801	17.470.206	25,65%	104,65%
6551	Văn phòng phẩm	7.140.000		0,00%	#DIV/0!
6599	Vật tư văn phòng khác	18.000.000		0,00%	#DIV/0!
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	3.600.000	47.292	1,31%	71,65%
6605	hình; cước phí internet; thuê đường truyền	10.080.000	1.140.000	11,31%	77,63%
6608	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí, thư viện	4.176.000		0,00%	#DIV/0!
6704	Khoản công tác phí	31.125.000	5.900.000	18,96%	93,65%
6757	Thuê lao động trong nước			#DIV/0!	0,00%
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	5.000.000		0,00%	#DIV/0!
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	5.000.000		0,00%	#DIV/0!
6917	Sửa chữa bảo trì máy photo	5.000.000		0,00%	#DIV/0!
6922	Nạo vét cống rãnh	5.000.000		0,00%	#DIV/0!
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	7.650.000		0,00%	#DIV/0!
7004	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	5.500.000		0,00%	#DIV/0!
7006	Chi tập huấn nghiệp vụ	5.000.000		0,00%	#DIV/0!
7049	Chi khác	76.864.000	4.200.000	5,46%	#DIV/0!
7756	Chi các khoản phí		495.000	#DIV/0!	67,87%
7951	Chi lập Quỹ BS TN, Quỹ DP ổn định TN			#DIV/0!	#DIV/0!
7952	Chi lập quỹ phúc lợi			#DIV/0!	#DIV/0!
7953	Khen thưởng			#DIV/0!	#DIV/0!
7954	Phát triển hoạt động sự nghiệp			#DIV/0!	#DIV/0!
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.010.000.000	764.055.184	38,01%	1092,83%

Ngày 05 tháng 04 năm 2024

Kê toán



Đặng Quốc Tuấn

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Tốt

CÔNG KHAI SỐ LIỆU
THU, CHI CÁC NGUỒN THU TẠI ĐƠN VỊ
Quý 1 Năm 2024
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS PHÚ HỮU

Số TT	Loại quỹ	Chênh lệch thu chi chưa phân phối năm trước chuyển sang	Doanh thu	Chi phí	Tồn	Tiền mặt	Tiền gửi
A	B	1	2	3			
I	Thu sự nghiệp và dịch vụ	17.860.000	1.411.532.710	292.291.610	1.137.101.100	14.056.581	1.123.044.519
1	Học phí	-	648.720.000	54.456.612	594.263.388	0	594.263.388
2	Hai buổi	-	180.480.000	126.564.698	53.915.302	2.049.581	51.865.721
3	Vật dụng bán trú	17.860.000	18.715.000	19.032.000	17.543.000	855.000	16.688.000
4	Bán trú phí	-	86.663.000	27.417.800	59.245.200	1.965.000	57.280.200
5	Tiếng anh tăng cường	-	35.046.000	12.025.000	23.021.000	486.000	22.535.000
6	Anh văn GV bán ngữ	-	171.012.000	0	171.012.000	0	171.012.000
7	Kỹ năng sống	-	78.821.000	0	78.821.000	8.701.000	70.120.000
8	Lãi tiền gửi thanh toán	-	697.910	324.500	373.410		373.410
9	Căn tin, bãi giữ xe	-	21.500.000	1.011.000	20.489.000		20.489.000
10	IC3	-	64.400.000	0	64.400.000		64.400.000
11	GD Stem	-	80.400.000	38.760.000	41.640.000		41.640.000
12	Các khoản trích lại khác	-	25.077.800	12.700.000	12.377.800		12.377.800
II	Thu ngân sách	395.488.384	9.590.652.000	1.589.848.156	8.396.292.228	-	-
1	Thu - chi ngân sách	395.488.384	9.590.652.000	1.589.848.156	8.396.292.228		
III	Thu hộ chi hộ, thu khác	450.208.968	327.600.100	552.529.238	225.279.830	4.625.272	220.654.558
1	BHYT +TN trích lại CSSKBĐ	51.940.908		3.372.725	48.568.183	2.971.812	45.596.371
2	BHYT +TN	15.992.204	17.418.100	10.829.700	22.580.604		22.580.604
3	Học phẩm Ăn phẩm - Sổ liên lạc điện tử	132.892.303	7.408.000	105.230.000	35.070.303	1.653.460	33.416.843
4	Ăn bán trú	21.269.000	284.859.000	219.615.000	86.513.000	0	86.513.000
5	Nước uống HS	32.132.740	17.915.000	17.500.000	32.547.740		32.547.740
6	Khác (tại NH, KB)	195.981.813		195.981.813	0		0
IV	Các quỹ	1.106.500.526	2.700.000	124.766.840	984.433.686	7.866.000	976.367.686
1	Quỹ phúc lợi	352.677.598		60.856.923	291.820.675		291.620.675
2	Quỹ phát triển sự nghiệp	422.273.386		63.909.917	358.363.469	5.166.000	353.197.469
3	Quỹ khen thưởng	116.389.716	2.700.000		119.089.716	2.700.000	116.389.716
4	Quỹ bổ sung thu nhập	215.159.826			215.159.826		215.159.826
V	Cải cách tiền lương	859.784.114	-	160.453.122	699.330.992	-	699.330.992

Số TT	Loại quỹ	Chênh lệch thu chi chưa phân phối năm trước chuyển sang	Doanh thu	Chi phí	Tồn	Tiền mặt	Tiền gửi
A	B	1	2	3			
1	- Từ nguồn thu sự nghiệp	859.784.114		160.453.122	699.330.992		699.330.992
2	- Từ nguồn thu dịch vụ (1)						
	Tổng (I + II+III+IV)	2.829.841.992	11.332.484.810	2.719.888.966	11.442.437.836	26.547.853	3.019.397.755

Kế Toán

Đặng Quốc Tuấn

TP Thủ Đức, ngày 05 tháng 04 năm 2024

Hiệu Trưởng



Nguyễn Văn Tốt

BIÊN BẢN
Kết thúc niêm yết công khai

Hôm nay, vào lúc 15 giờ 00 ngày 06 tháng 05 năm 2024, tại trường THCS Phú Hữu, chúng tôi gồm có:

1. Ông Nguyễn Văn Tốt Chức vụ: Hiệu trưởng
 2. Bà Trần Thị Hồng Loan Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
 3. Bà Nguyễn Thị Hải Lý Chức vụ: CTCD
 4. Bà Nguyễn Thị Mai Thanh Chức vụ: TB TTND
 5. Ông: Đặng Quốc Tuấn Chức vụ: Kế toán
 6. Ông Bà: Nguyễn Thị Hồng Thắm Chức vụ: Giáo viên
- Đã tiến hành gỡ bỏ (kết thúc) niêm yết công khai văn bản:

1. Thông báo công khai Thực hiện dự toán; Thu chi sự nghiệp Q1 năm 2024.
2. Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018.
3. Biểu Công khai số liệu thu chi các nguồn thu tại đơn vị.

Thời gian niêm yết công khai: từ ngày 05/04/2024 đến ngày 06/05/2024

4. Địa điểm niêm yết công khai: Tại bảng tin tài chính nhà trường.

Tiến hành gỡ bỏ (kết thúc) niêm yết công khai hoàn thành, không có ý kiến phản ánh và lập biên bản vào lúc 15 giờ 15 phút cùng ngày./.



P.HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hồng Loan

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
TRƯỞNG BAN TTND

Nguyễn Thị Mai Thanh

Kế toán

Đặng Quốc Tuấn



GIÁO VIÊN NHÀ TRƯỜNG

Nguyễn Thị Hồng Thắm